

VAI TRÒ CỦA QUY HOẠCH CẢNH QUAN VÀ KHÔNG GIAN MỞ TRONG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

TS. KTS Nguyễn Anh Tuấn

Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc, Sở Quy hoạch Kiến trúc TP Hồ Chí Minh

Những luận giải về các vấn đề của TP HCM trong bài viết trước (phần 1) dẫn đến một hướng tiếp cận quy hoạch không gian mở cho phát triển đô thị bền vững. Mục đích của bài viết này là nêu bật vai trò của hệ thống không gian mở trong việc cải thiện điều kiện sinh thái, đáp ứng nhu cầu xã hội về giải trí và nâng cao giá trị kinh tế của đất đô thị. Khái niệm quy hoạch không gian mở được xem như một phương pháp quy hoạch sử dụng đất cho phát triển bền vững. Bài viết này, còn đề cập đến các tiêu chuẩn quy hoạch và đánh giá không gian mở, bao gồm các phương diện số lượng, chất lượng và liên hệ những nghiên cứu điển hình trên thế giới đến vai trò của quy hoạch không gian mở trong bối cảnh phát triển đô thị của TP HCM. Qua đó, những luận điểm này được liên hệ đến những vấn đề quy hoạch vùng, phòng chống thiên tai bão lũ, quy hoạch sử dụng đất bền vững và chương trình quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

ẢNH HƯỞNG XÃ HỘI CỦA HỆ THỐNG KHÔNG GIAN MỞ

"Không gian mở" được hiểu là các không gian cảnh quan, bao gồm các không gian tự do đi bộ trong thị xã, thành phố, công viên, các mảng xanh, quảng trường, các khu rừng đô thị, các khu đất trống, vườn hoa, sông rạch, ruộng vườn, các đường dẫn vv... Không gian mở đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của nền kinh tế và văn hóa đô thị. Một hệ thống không gian mở đô thị được quy hoạch tốt có thể tạo ra những ảnh hưởng sau:

Góp phần hình thành và nâng cao những giá trị xã hội



Hình 1: Cánh đồng hoa Poppy,
Monet, 1873



Hình 2: “Hoa sen và vịt con” Tranh thêu Việt Nam

Chuỗi không gian mở cung cấp nhiều chức năng như văn hóa, giải trí, giáo dục, thể dục thể thao, du lịch vv... do đó góp phần quan trọng trong đời sống cộng đồng và nâng cao giá trị xã hội của cảnh quan.

Không gian mở tạo ra nơi chốn và nguồn cảm hứng cho các nghệ sĩ, qua đó cảnh quan góp phần tạo nên những giá trị xã hội. Nhiều họa sĩ nổi tiếng như Monet, Van Gogh, Rembrandt, vv... đã nắm bắt và phản ánh thành công trong các tác phẩm hội họa về đẹp của cảnh quan thành phố và nông thôn châu Âu (hình 1). Trong nghệ thuật phương Đông như thơ ca, hội họa, điêu khắc, kiến trúc vv..., các yếu tố cảnh quan mưa nắng, gió, mây trời, cây cối hoa cỏ, mặt nước vv... thường được mô tả bằng những diễn đạt có tính nghệ thuật cao, có khi còn được trừu tượng hóa hoặc nhân cách hóa (hình 2).

Tạo ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe và đời sống cộng đồng

Không gian mở đô thị cung cấp nhiều chức năng giáo dục, sinh thái quan trọng, là địa điểm cho các tương tác xã hội và cơ hội phát triển của cộng đồng (G. Morgan, 1990:10). “Một nghiên cứu ở Hà Lan đã chứng minh rằng 10% gia tăng không gian xanh đô thị giúp cải thiện rất nhiều sức khỏe của người dân địa phương, như thể họ được trẻ hơn năm.” (William, 2007: 24). Một trong những đặc trưng độc đáo của hệ

thống công viên tại thủ đô Luân Đôn là chức năng thể thao của nó. Các công viên cộng đồng trong các khu dân cư ở vùng Luân Đôn mở rộng đều có nhiều khu vực dành riêng cho các loại hình hoạt động thể thao. Một nghiên cứu khác tại Anh cho thấy rằng một hành lang xanh giữa nơi ở và nơi làm việc có thể làm khả năng đi bộ hay đạp xe đến nơi làm việc gia tăng gấp 4,5 lần (Melvin, 2007:25). Do đó, một hệ thống không gian mở được quy hoạch hợp lý không chỉ có tác dụng tốt đến sức khỏe cộng đồng mà còn ảnh hưởng đến hành vi di chuyển của người dân. Điều này, có thể mang lại những ảnh hưởng tích cực đến các vấn đề môi trường và giao thông trong thành phố.

SINH THÁI ĐÔ THỊ VÀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG KHÔNG GIAN MỞ

Trong suốt thập niên 60, trong khi các nước phát triển đã phải nếm trải nhiều phí tổn cho những vấn đề ô nhiễm môi trường mà thế giới đang chứng kiến ngày càng nhiều và khốc liệt hơn những thảm họa thiên nhiên, nhà quy hoạch cảnh quan Mỹ Ian McHarg áp dụng nguyên tắc sinh thái trong quy hoạch cảnh quan và liên hệ những nguyên tắc này đến những vấn đề suy thoái môi trường và đô thị. Ông lập luận một cách mạnh mẽ, đẩy thuyết phục về việc sử dụng những nguyên lý sinh thái làm cơ sở cho những giải pháp quy hoạch nhằm dung hòa giữa việc sử dụng và sự lạm dụng cảnh quan của con người. Ian McHarg dùng phương pháp phân tích sử dụng đất thích hợp (Land-use suitability analysis). Trong phương pháp này, các yếu tố thiên nhiên như nước, xây xanh, động thực vật, địa chất, vi khí hậu và thảm động thực vật vv... được phân tích riêng biệt theo từng lớp và phân loại giá trị theo từng bậc tương ứng với mức độ thích hợp đối với các chức năng sử dụng đất. Bản đồ tổng hợp của những phân tích trên được gọi là bản đồ sử dụng đất thích hợp (Map of land-use suitability).



Hình 4: Mặt bằng "Vòng đeo cổ ngọc trai" của Boston.

Nguồn: <http://www.emeraldnecklace.org>

Back Bay Fens – dự án Vòng cổ ngọc trai - một hệ thống không gian mở của Boston, là một ví dụ nổi tiếng của một cơ sở hạ tầng cảnh quan sinh thái đóng một vai trò quan trọng trong việc điều tiết lũ lụt và kiểm soát nước thải (hình 4). Hệ thống không gian mở đa chức năng này vừa đóng vai trò sinh thái cảnh quan đô thị, vừa có chức năng phục vụ các nhu cầu giải trí đa dạng của người dân thành phố.

Đây là một ví dụ điển hình của quy hoạch đô thị chuyên nghiệp, trong đó quá trình thiết kế công viên, xây dựng dân dụng, y tế, giao thông, và phát triển khu phố đã được liên kết với nhau để tạo ra một hệ thống cơ sở hạ tầng có chức năng và hiệu quả toàn diện đối với "sức khỏe" của đô thị và chất lượng cuộc sống người dân.

LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA HỆ THỐNG KHÔNG GIAN MỞ

Các hình thức thẩm mỹ của thị xã cũng được hình thành bởi các hệ thống quy hoạch không gian mở và hệ thống này có chức năng môi trường đồng thời hỗ trợ các mục tiêu và các hoạt động kinh tế.

Giá trị kinh tế của không gian mở có thể được đo lường bằng Phân tích tác động tài chính (fis-

cal analysis). Khi áp dụng phương pháp này cho bảo tồn không gian mở, Burchell và Lishkin (Charles, 1996:4) kết luận rằng, phát triển không gian mở, về mặt tài chính, là có lợi hơn so với việc phát triển dân cư, bằng hoặc tốt hơn so với phát triển các loại hình khác. Ông cũng cho rằng phân tích tác động tài chính thường được sử dụng trong các cộng đồng lớn ở vùng ngoại vi thành phố, các khu vực đang chịu nhiều áp lực tăng trưởng. Nhóm Nghiên cứu khối Thịnh Vượng Chung (1995) thực hiện nghiên cứu tại mười một thị trấn miền nam vùng New England, sử dụng phương pháp của hiệp hội đất nông nghiệp Mỹ, đã kết luận rằng: trung bình để có được mỗi đô la doanh thu, các thị xã đã chi \$ 1,14 cho các dịch vụ trong khu vực dân cư, 0,43 \$ cho ngành thương mại, và \$ 0,42 cho rừng, trang trại, và không gian mở. Như vậy đầu tư cho không gian mở mang lại lợi ích kinh tế cao hơn đầu tư vào các hạng mục khác.

TIÊU CHUẨN KHÔNG GIAN MỞ - Nguyên tắc đánh giá

Số lượng

Tiêu chuẩn cho không gian mở có thể được thành lập theo nhu cầu xã hội, theo đặc thù địa lý, địa phương và có thể thay đổi theo thời gian. Vì vậy, những con số tiêu chuẩn được tính theo hoạt động của con người và số tiền tương ứng với diện tích đất cần thiết cho hoạt động đó. Do vậy, các tiêu chuẩn có khác nhau ở mỗi thành phố, quốc gia hay cộng đồng. Các tiêu chuẩn cũng thay đổi theo điều kiện kinh tế xã hội, cũng như mức sống. Ví dụ, ở bang Colorado, Mỹ, 0,3 mẫu đất công viên là cần thiết cho 1000 người trong cộng đồng nhỏ. Sau năm 1943, tại Luân Đôn, tiêu chuẩn đối với diện tích không gian mở cho mỗi người là 7m², con số này đã tăng hơn 12m² vào thập niên 80-90.

Tại TP.HCM, tiêu chuẩn không gian mở cho mỗi người năm 2005 là 2m², dự kiến tăng lên 4m² năm 2010 (Vũ Xuân Đề, 1995). Tuy nhiên,

con số này không thể hiện được các lợi ích kinh tế xã hội và môi trường mà các hệ thống không gian mở mang đến cho người dân. Đó là lý do tại sao, chỉ số chất lượng là cần thiết.

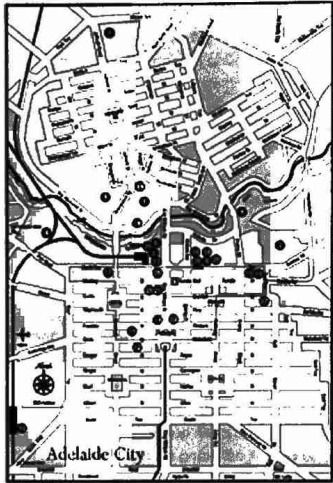
Chất lượng

Chất lượng của không gian mở cũng có thể được đánh giá bằng hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường của nó đối với phát triển đô thị. Xét về khía cạnh xã hội, đây là khả năng cung cấp các hoạt động và mức độ thoải mái mà hệ thống đem đến cho người sử dụng. Đối với các mục tiêu kinh tế, việc đánh giá hiệu quả thông qua lợi ích từ sự hưởng những giá trị của không gian mở. Trong quan điểm môi trường, không gian mở được đánh giá bằng sự phong phú, ổn định của hệ sinh thái được tạo ra và nuôi dưỡng bởi một hệ thống cảnh quan. Việc đánh giá chất lượng của không gian mở vừa mang tính địa phương, phụ thuộc vào mỗi khu vực không gian mở; lại vừa có tính hệ thống, trên toàn bộ hệ thống không gian. Các chỉ số bao gồm Sức sống, Sự cảm nhận, Tính phù hợp, Khả năng tiếp cận, Khả năng kiểm soát, Tính hiệu quả và công bằng. Hơn nữa, phân tích trên cho thấy, việc đánh giá tiêu chí chất lượng của không gian mở cần có chiều hướng không gian. Các bài viết tiếp theo sẽ lý giải nguyên tắc áp dụng phương pháp giá trị vector của không gian mở ứng dụng GIS, vào quá trình phân tích và đánh giá cảnh quan.

Tóm lại, quy hoạch không gian mở có thể đóng một vai trò quan trọng trong phát triển đô thị. Một hệ thống không gian thích hợp, được quy hoạch hiệu quả có thể nâng cao chất lượng môi trường đô thị và đóng góp cho phát triển bền vững.

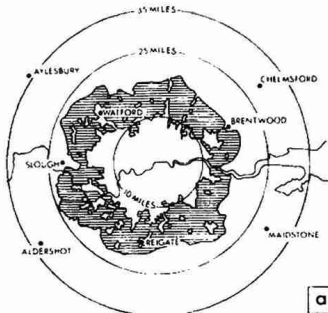
NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN MỞ

Trong bài viết này, thực tiễn quy hoạch không gian mở được xem xét qua các trường hợp quy hoạch không gian mở tại các thành phố châu Âu. Việc lựa chọn nghiên cứu điển hình căn cứ vào những tiêu chí như: vai trò của quy hoạch không gian mở phục vụ quản lý mở



Hình 5: Vành đai xanh của thành phố Adelaide, Nam Úc

Nguồn: www.rarefruit-sa.org.au



Hình 6: "Vành đai xanh" chứa đựng thành phố Luân đôn

Nguồn: www.gardenvisit.com

rộng đô thị, giải quyết các vấn đề môi trường nước, nâng cao giá trị cảnh quan. Phần này cũng tìm ra những khía cạnh kỹ thuật của quy hoạch không gian mở có thể được cải thiện bằng cách sử dụng một công cụ thích hợp như GIS.

Năm 1943, dưới một căn hầm tránh bom tại thủ đô Luân Đôn, nhà quy hoạch gia Abercrombie đề xuất ý tưởng Vành đai xanh cho quy hoạch không gian mở của Luân đôn. Ý tưởng này được luật hóa như một công cụ quản lý mở rộng đô thị, được áp dụng rộng rãi trên nhiều thành phố khác tại Anh và các nước phát triển. Ý tưởng "Vành đai xanh" cho thủ đô Luân Đôn nhằm vào các mục đích sau đây:

1) Chứa đựng đô thị: Bảo tồn một vành đai nông thôn xung quanh Luân Đôn giúp ngăn chặn sự mở rộng đô thị làm phai nhạt những đặc trưng của cảnh quan nông thôn.

2) Bảo vệ đất Nông nghiệp: Chức năng này hỗ trợ tính bền vững của công đồng thông qua cơ chế tái sản xuất của cảnh quan, trong khi hỗ trợ về mặt kinh tế, sinh thái cho các khu vực đô thị hoá.

3) Dự trữ đất dành cho vui chơi giải trí: tiêu chí này cho thấy một mục tiêu tích cực của quy hoạch không gian mở nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, bao gồm việc tạo quỹ đất cho các hoạt động giải trí, mang lại sức khỏe cho cộng đồng, đáp ứng công bằng xã hội.

Các nghiên cứu điển hình (case studies) về quy hoạch không gian mở tại Luân Đôn, Paris, Amstecdam và các thành phố khác (xem bảng tổng kết 1), đặc biệt là phương pháp quy hoạch sinh thái của Ian McHarge cho thấy: Phương pháp này và việc sử dụng các loại hình và ý tưởng

không gian mở (ví dụ Ngón tay xanh, Con đường xanh vv...) có thể giúp:

Hỗ trợ quá trình xác định phương án quy hoạch sử dụng đất hợp lý nhất, nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên và giá trị thiên nhiên, phòng tránh, giảm thiểu những rủi ro do biến đổi môi trường và thiên tai mang lại.

Cải thiện chất lượng môi trường đô thị, tạo ra nhiều ảnh hưởng tích cực về mặt xã hội và môi trường.

Tạo ra các giá trị cảnh quan văn hóa, nâng cao chất lượng môi trường sống và giá trị kinh tế của khu vực xung quanh.

Phân tích thích hợp hỗ trợ lập quy hoạch cảnh quan hướng đến một hệ thống sinh thái cân bằng đòi hỏi trình tự phân loại, đánh giá các nguồn tài nguyên thiên nhiên liên quan, các đặc tính cơ hóa lý và những thuộc tính không gian khác của đất. Quá trình này cho ra các kết quả phù hợp về định lượng và định tính, phục vụ ý đồ và giải pháp quy hoạch, quản lý, bao gồm việc xác định các chức năng sử dụng đất thích hợp cho từng khu đất, đưa ra chính sách sử dụng đất hợp lý nhất, hoặc hạn chế những can thiệp có hại của con người đến tài nguyên thiên nhiên vv...

Do đó, cần một phương pháp có tính hệ thống, cung cấp công cụ để thực hiện các yêu cầu trên. Đối với TP HCM, GIS là phần mềm máy tính thích hợp có thể hỗ trợ phân tích và ra quyết định quản lý quy hoạch phát triển đô thị ở TP HCM. Bài viết tiếp theo sẽ đề cập đến những nguyên lý cốt lõi nhất của hệ thống này và những ứng dụng thực tiễn đa dạng, hiệu quả của nó trong quy hoạch không gian và quản lý môi trường đô thị.

Nghiên cứu điển hình / Ý tưởng	BỐI CẢNH	QUÁ TRÌNH	★ ☼ ⚙️ Xã hội Sinh thái Kinh tế CÁC CHỨC NĂNG	MÃ	LIÊN HỆ ĐẾN TP HCM Xác định các tiêu chí Quy hoạch không gian mở
la LUÂN ĐỒN Vành đai xanh/Hà tổng xanh la THAMES-MEAD Phát triển đô thị mới	- Tái phát triển kinh tế - Nhu cầu chia sẻ không gian mở đô thị - Mối quan tâm về ô nhiễm môi trường và ý thức cộng đồng - Ý tưởng của Abercrombie - Khu ngập lụt và các khu ô nhiễm công nghiệp	- Thực đẩy phát triển đô thị - Giải quyết vấn đề thiếu nhà ở - Xây dựng cơ sở hạ tầng sinh thái - Tạo một hệ thống điều tiết gồm ao hồ, kênh kết nối	- Ngăn tình trạng lấn chiếm tự phát - Vấn đề: Kết nối hiệu quả của không gian mở từ nhà đến nơi làm việc - Gia tăng sức khỏe - Giảm ngập lụt, làm giàu đa dạng sinh học	E11 S11 S2 E11	- Đổi thấp và hệ thống giao thông nhiều vành đai - Không cách đi bộ - Vị trí phù hợp - Sử dụng đất thích hợp - Tập thể dục hàng ngày, chất lượng không khí - Hỗ trợ nước kết nối với hệ thống thoát nước
PARIS Thực phát triển đô thị	- Mở rộng đô thị - Công nghiệp khai hoang - Ý tưởng Haussmann như một nhạc trưởng đô thị	- Thực mở rộng đô thị - Thực không gian mở - Vườn - kênh - chợ - Kết hợp với phát triển giao thông vận tải - Không gian mở như là một cột sống của dạng thức đô thị	- Dạng thức đô thị mạch lạc - Tạo ảnh hưởng mạnh mẽ lên hình ảnh đô thị - Kết hợp phát triển kinh tế và y nghĩa văn hóa và hội trong một thực phát triển lấy không gian mở làm trung tâm	S11 S2 E11	- Hình thức mở rộng đô thị theo phong cách thực dân Pháp (phong cách Haussmann) - Hệ thống kênh đào có thể được sử dụng như một mô hình phục vụ kết hợp mục đích thương mại, ảnh hưởng sinh thái và ý nghĩa xã hội - Phát triển đô thị cân bằng với các cột sống của không gian mở kết hợp giao thông vận tải và các chức năng văn hóa xã hội khác
HÀ LAN Hạ tầng nước Ngân hàng xanh	- Điều kiện tự nhiên đặc biệt - Đáp ứng văn hóa tạo ra các lớp giá trị	- Vận chuyển nước đã dần dần được thay thế bằng giao thông đường bộ - Hệ thống đường thủy được sử dụng cho các hoạt động du lịch - Hệ thống Cầu xoay giá tạo ra một biểu tượng văn hóa của tiến bộ kỹ thuật	- Không gian mở là hệ thống không gian mở nước - Giao thị Kinh tế Xã hội và Sinh thái của hệ thống không gian mở nước - Quảng trường văn hóa kết nối với công viên là điểm nổi bật của một con đường xanh - Cảnh quan nước như là một thành phần quan trọng của Con đường xanh	E12 S3 S11 E12	- Phù hợp giá trị cảnh quan tự nhiên của vùng đồng bằng và các vấn đề thủy lực - Kỹ thuật và phương pháp áp dụng là một phần của phân tích của con người tạo ra giá trị văn hóa của hệ thống không gian mở
TEXAS Dự án Khu dân cư Woodland	- Đô thị hóa - Phát triển công cộng	- Kế hoạch tham gia của cộng đồng - Khởi niệm của Ian McHarg về thiết kế với Thiên nhiên	- Sử dụng đất Thích hợp tiết kiệm nhiều chi phí để xây dựng và ít tác động trên một nước, không khí và đất đai. Các không gian mở hệ thống thoát nước tiết kiệm 14 triệu USD chi phí xây dựng - Đa dạng Sinh thái và hoạt động cộng đồng trong việc xây dựng một tương lai bền vững	S3 E13	Phân tích thích hợp có thể giúp xác định các suất tự nhiên nên được sử dụng cho hệ thống thoát nước không gian mở để giảm chi phí xây dựng và nguy cơ lũ lụt, tăng cường đa dạng sinh học, các hoạt động cộng đồng và chất lượng cuộc sống
BOSTON Mặt bằng "Vòng cổ ngọc trai"	Hạ tầng xanh đa chức năng	- Nguy cơ lũ lụt và môi trường nước - Lịch sử sử dụng và cải tiến hệ thống thoát nước cũ	- Tạo một cơ sở hạ tầng đô thị đa chức năng - Cộng viên huyện sinh hệ thống làm tăng khả năng hấp thụ và đa dạng các hoạt động cộng đồng	E14 E13	- Hệ thống không gian mở cũng là một hạ tầng xanh - Tích hợp các lớp văn hóa và sinh thái thành một cơ sở hạ tầng đô thị bền vững

Từ viết tắt
 • E1, E11, S1: Mã chức năng KT-XH và sinh thái vùng
 • E1, E11, S1: Mã chức năng KT-XH và sinh thái khu vực đô thị

Bảng 1: Bảng tổng hợp kết quả nghiên cứu điển hình